BỘ NỘI VỤ
CHƯƠNG: 035

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 15 /QĐ-BNV ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chia ra theo đơn vị trực thuộc							
				Ban Tôn giáo Chính phủ	Tạp chí công tác Tôn giáo	Trung tâm Thông tin - Ban Tôn giáo CP	Viện nghiên cứu chính sách Tôn giáo	Ban Thi đua khen thưởng Trung ương	Trung tâm Tin học - Ban Thi đua - Khen thưởng TW	Văn phòng Bộ Nội vụ	Văn phòng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước
A	**Thu chi ngân sách về phí, lệ phí:**										
I	**Số thu phí, lệ phí**	**560**	**560**	**-**				**-**		**-**	
	- Phí. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	560	**560**								
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	*560*	**560**								
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại (*)**	**416**	**504**	**-**				**-**		**-**	
	- Sự nghiệp Văn hóa, thông tin	416	**504**								
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên/tự chủ	*416*	**504**								
III	**Phí, lệ phí nộp ngân sách (*)**	**144**	**56**								
	- Phí	56	**56**								
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	*56*	**56**								
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**585,970**	**585,970**	**68,500**	**2,000**	**2,820**	**1,160**	**33,700**	**1,500**	**176,720**	**13,580**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**568,950**	**568,950**	**68,500**	**2,000**	**2,820**	**1,160**	**33,700**	**1,500**	**176,720**	**13,580**
1	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề:**	**181,880**	**181,880**	**1,000**	**-**	**-**	**-**	**300**	**-**	**32,190**	**1,230**
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-								
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	181,880	181,880	1,000				300		32,190	1,230
2	**Sự nghiệp khoa học công nghệ**	**26,200**	**26,200**	**-**	**-**	**-**	**1,160**	**-**	**-**	**-**	**-**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	15,350	**15,350**	-			250				
	Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ	14,400	**14,400**								
	Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở	950	**950**				250				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1,470	**1,470**				910				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9,380	**9,380**								
3	**Sự nghiệp văn hóa thông tin**	**88,200**	**88,200**	**6,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-								
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	88,200	88,200	6,000							

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chia ra theo đơn vị trực thuộc							
				Ban Tôn giáo Chính phủ	Tạp chí công tác Tôn giáo	Trung tâm Thông tin - Ban Tôn giáo CP	Viện nghiên cứu chính sách Tôn giáo	Ban Thi đua khen thưởng Trung ương	Trung tâm Tin học - Ban Thi đua - Khen thưởng TW	Văn phòng Bộ Nội vụ	Văn phòng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước
4	**Sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**1,000**	**1,000**	**1,000**							
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,000	1,000	1,000							
5	**Chi các hoạt động kinh tế**	**4,690**	**4,690**	**-**	**-**	**2,320**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-								
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4,690	4,690			2,320					
6	**Hoạt động quản lý nhà nước**	**266,980**	**266,980**	**60,500**	**2,000**	**500**	**-**	**33,400**	**1,500**	**144,530**	**12,350**
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	123,720	123,720	25,000				15,400		73,330	9,990
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	143,260	143,260	35,500	2,000	500		18,000	1,500	71,200	2,360
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**17,020**	**17,020**								
1	**Chi quản lý hành chính**	**17,020**	**17,020**								
	Ban quản lý Dự án VNM9P04	17,020	17,020								

(*) Theo Thông tư số 275/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ, tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí

STT	Nội dung	Chia ra theo đơn vị trực thuộc											
		Trung tâm lưu trữ quốc gia I	Trung tâm lưu trữ quốc gia II	Trung tâm lưu trữ quốc gia III	Trung tâm lưu trữ quốc gia IV	Trung tâm khoa học kỹ thuật VTLT	Trung tâm Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia	Trung tâm LTQG tài liệu điện tử	Trung tâm tin học - Cục Văn thư và Lưu trữ NN	Tạp chí Văn thư lưu trữ Việt Nam	Ban quản lý Dự án VNM9P04	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Phân hiệu Trường Đại học Nội vụ tại Quảng Nam
A	**Thu chi ngân sách về phí, lệ phí:**												
I	**Số thu phí, lệ phí**	**200**	**150**	**170**	**40**							**-**	**-**
	- Phí. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	200	150	170	40								
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	200	150	170	40								
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại (*)**	**180**	**135**	**153**	**36**							**-**	**-**
	- Sự nghiệp Văn hóa, thông tin	180	135	153	36								
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên/tự chủ	180	135	153	36								
III	**Phí, lệ phí nộp ngân sách (*)**	20	15	17	4								
	- Phí	20	15	17	4								
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	20	15	17	4								
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**14,565**	**17,820**	**24,015**	**9,640**	**7,090**	**5,415**	**4,355**	**-**	**-**	**17,320**	**29,500**	**6,894**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**14,565**	**17,820**	**24,015**	**9,640**	**7,090**	**5,415**	**4,355**	**-**	**-**	**300**	**29,500**	**6,894**
1	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề:**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**28,900**	**6,894**
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											28,900	6,894
2	**Sự nghiệp khoa học công nghệ**	**-**	**-**	**-**	**-**	**200**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					200						-	
	Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ												
	Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở					200							
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
3	**Sự nghiệp văn hóa thông tin**	**14,565**	**17,820**	**24,015**	**9,640**	**6,390**	**5,415**	**4,355**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14,565	17,820	24,015	9,640	6,390	5,415	4,355					
4	**Sự nghiệp bảo vệ môi trường**												
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
5	**Chi các hoạt động kinh tế**	**-**	**-**	**-**	**-**	**500**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**600**	**-**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											600	
6	**Hoạt động quản lý nhà nước**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**300**	**-**	**-**
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ												

STT	Nội dung	Chia ra theo đơn vị trực thuộc											
		Trung tâm lưu trữ quốc gia I	Trung tâm lưu trữ quốc gia II	Trung tâm lưu trữ quốc gia III	Trung tâm lưu trữ quốc gia IV	Trung tâm khoa học kỹ thuật VTLT	Trung tâm Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia	Trung tâm LTQG tài liệu điện tử	Trung tâm tin học - Cục Văn thư và Lưu trữ NN	Tạp chí Văn thư lưu trữ Việt Nam	Ban quản lý Dự án VNM9P04	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Phân hiệu Trường Đại học Nội vụ tại Quảng Nam
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										300		
II	**Nguồn vốn viện trợ**										**17,020**		
1	**Chi quản lý hành chính**										**17,020**		
	Ban quản lý Dự án VNM9P04										17,020		

STT	Nội dung	Chia ra theo đơn vị trực thuộc									
		Phân hiệu Trường đại học Nội vụ tại TP HCM	Viện Nghiên cứu và phát triển - Trường ĐH Nội vụ Hà Nội	Trung tâm Thông tin - Bộ Nội vụ	Tạp chí Tổ chức Nhà nước	Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước	Học viện Hành chính quốc gia tại Hà Nội	Phân viện Học viện Hành chính quốc gia tại TP Hồ Chí Minh	Phân viện Khu vực Tây Nguyên	Phân viện Học viện Hành chính quốc gia tại Huế	Viện Nghiên cứu Khoa học Hành chính
A	**Thu chi ngân sách về phí, lệ phí:**										
I	**Số thu phí, lệ phí**			-	-	-	-	-	-	-	
	- Phí. Kinh phí thường xuyên/tự chủ										
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ										
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại (*)**			-	-	-	-	-	-	-	
	- Sự nghiệp Văn hóa, thông tin										
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên/tự chủ										
III	**Phí, lệ phí nộp ngân sách (*)**										
	- Phí										
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ										
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**5,625**	**560**	**9,900**	**3,000**	**24,950**	**71,888**	**23,253**	**4,300**	**4,500**	**1,400**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**5,625**	**560**	**9,900**	**3,000**	**24,950**	**71,888**	**23,253**	**4,300**	**4,500**	**1,400**
1	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề:**	**5,625**	**-**	**1,000**	**-**	**800**	**71,888**	**23,253**	**4,300**	**4,500**	**-**
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5,625	-	1,000		800	71,888	23,253	4,300	4,500	-
2	**Sự nghiệp khoa học công nghệ**	**-**	**560**	**-**	**-**	**22,880**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1,400**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		-			14,900					-
	Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ					14,400					
	Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở					500					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		560								
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					7,980					1,400
3	**Sự nghiệp văn hóa thông tin**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
4	**Sự nghiệp bảo vệ môi trường**										
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
5	**Chi các hoạt động kinh tế**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1,270**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					1,270					
6	**Hoạt động quản lý nhà nước**	**-**	**-**	**8,900**	**3,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										

STT	Nội dung	Chia ra theo đơn vị trực thuộc									
		Phân hiệu Trường đại học Nội vụ tại TP HCM	Viện Nghiên cứu và phát triển - Trường ĐH Nội vụ Hà Nội	Trung tâm Thông tin - Bộ Nội vụ	Tạp chí Tổ chức Nhà nước	Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước	Học viện Hành chính quốc gia tại Hà Nội	Phân viện Học viện Hành chính quốc gia tại TP Hồ Chí Minh	Phân viện Khu vực Tây Nguyên	Phân viện Học viện Hành chính quốc gia tại Huế	Viện Nghiên cứu Khoa học Hành chính
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			8,900	3,000						
II	**Nguồn vốn viện trợ**										
1	**Chi quản lý hành chính**										
	Ban quản lý Dự án VNM9P04										